TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kính.

2. Bà Nguyễn Hồng Dịu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 902/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc **"**Tranh chấp ly hôn**",** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ thường trú: Số 101/67 BMT, Phường 5, Quận 8, Thành phố M.

Địa chỉ liên lạc: Số 559 BT, Phường 10, Quận 11, Thành phố M.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 101/67 BMT, Phường 5, Quận 8, Thành phố M.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2023 cùng các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tr (sau đây gọi là bà Tr) trình bày: Bà Tr và ông T (sau đây gọi là ông T) chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn gia đình phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không hợp nhau, ông T đi nhậu thâu đêm suốt sáng không lo cho

cuộc sống gia đình, một mình bà Tr phải gánh vác chăm lo cho gia đình, thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân. Nay mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà Tr đã quá mệt mỏi, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có.

Về T sản chung, nợ chung: Bà Tr khai không có.

Bị đơn ông T vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Đối với bị đơn là chưa tuân thủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu bà Tr đề nghị được ly hôn với ông T thì kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa ông T vẫn không đến Tòa trình bày yêu cầu chứng tỏ ông T không còn quan tâm hàn gắn gia đình và bà Tr vẫn giữ ý kiến ly hôn. Do đó yêu cầu bà Tr là có cơ sở phù hợp pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/8/2022, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông T chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 83, Quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/5/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu bà Tr đề nghị được ly hôn với ông T, vì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu, ông T đi nhậu thâu đêm suốt sáng không lo cho cuộc sống gia đình, một mình bà Tr phải gánh vác chăm lo cho gia đình, thường xuyên cãi vã và không thể hàn gắn được. Đối với ông T, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa tự khai, tham gia hòa giải đoàn tụ gia đình, tham gia phiên tòa xét xử để trình bày ý kiến của mình

về quan hệ hôn nhân với bà Tr, điều đó chứng tỏ ông T không còn quan tâm hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông T đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà Tr là có cơ sở phù hợp pháp luật quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà Tr tự khai không có nên không xét.

Về T sản chung, nợ chung: Bà Tr tự khai không có nên không xét.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

[5]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải chịu theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Vắng mặt đối với bà Tr và ông T.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tr.

- Quan hệ hôn nhân: Bà Tr được ly hôn với ông T.

- Con chung: Bà Tr tự khai không có.

- Về T sản chung, nợ chung: Bà Tr tự khai không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0036276 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Tr đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống

đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Cao Sơn